

Bản án số: 29/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28/5/2025

“V/v ly hôn giữa bà Tuyên
và ông Trung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Nông Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 02/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 28/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị T, sinh năm 1977 (đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và Bản ghi ý kiến, nguyên đơn là bà Triệu Thị T trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T1 kết hôn ngày 28/01/1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y. Sau khi kết hôn ông bà đoàn tụ ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, sau đó thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn do ông T1 ham cờ bạc, rượu chè rồi kiếm có gây sự với vợ con. Từ năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn do ông T1 không thay đổi, vợ chồng ông bà đã ly thân từ ngày 10/11/2024. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông T1 thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như bà T đã trình bày. Cuối năm 2024 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không phải do ông uống rượu hay bài bạc về đánh đập vợ con, mà do vợ chồng không hợp nhau. Ông cũng xác định vợ chồng ly thân từ cuối năm 2024, mỗi người ở 1 nhà. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T, đồng thời vì con cái đã lớn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cả hai ông bà đều trình bày, vợ chồng có 3 con chung là Hoàng Mạnh T2, sinh năm 2000, Hoàng Thị Bích N, sinh năm 2004 và Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 01/4/2007. Hiện hai con đầu đã trưởng thành nên ông bà không đặt vấn đề nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con nhỏ, không yêu cầu cấp dưỡng, còn ông T1 đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản: Cả hai ông bà đều đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Triệu Thị T được ly hôn ông Hoàng Văn T1.

- Về án phí: bà Triệu Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù nguyên đơn là bà Triệu Thị T và bị đơn là ông Hoàng Văn T1 vắng mặt nhưng bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xem xét yêu cầu của bà Triệu Thị T xin ly hôn ông Hoàng Văn T1: Bà T và ông T1 kết hôn với nhau năm 1999 dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù ông bà có thời gian dài chung sống hoà thuận và đã có 3 con chung nhưng do ông T1 không tu chí làm ăn, thường tụ tập bài bạc, uống rượu dẫn đến vợ chồng hay cãi cọ to tiếng với nhau. Đến cuối năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng nên ông bà sống ly thân nhau. Nay bà T vẫn cương quyết xin ly hôn, còn ông T1 tuy không nhất trí ly hôn nhưng cũng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, không đến Toà án tham gia phiên hoà giải, không đến phiên toà, chứng tỏ ông T1 cũng không tha thiết với nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông T1.

[4]. Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Hoàng Mạnh T2, sinh năm 2000; Hoàng Thị Bích N, sinh năm 2004 và Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 01/4/2007. Tính đến ngày xét xử thì các con chung của ông bà đều đã trưởng thành, đều trên 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, vấn đề nuôi dưỡng con chung không đặt ra đối với ông bà khi ly hôn.

[5]. Về tài sản: Ông bà tự thoả thuận, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Triệu Thị T không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Triệu Thị T được ly hôn ông Hoàng Văn T1.

Án phí: Bà Triệu Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001844 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

4/ *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Yên Thế
- Chi cục THA DS Yên Thế
- UBND xã Tam Tiến, h. Yên Thế
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà